

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAKAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 62/2021/HSST
Ngày: 30/11/2021.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Trí Lý.
- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Khắc Dũng và Y Nik Ê Ban.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hà Hương – Thư ký Tòa án nhân dân

huyện EaKar.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa:*

Ông Cao Văn Tiến - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 30/11/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk. Tòa án nhân dân huyện Ea Kar mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 60/2021/HSST, ngày 19 tháng 11 năm 2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 62/2021/QĐXXST-HS, ngày 19 tháng 11 năm 2021, đối với bị cáo:

* **Họ và tên:** Y T Mlô, sinh năm: 1998. Tại: Đắk Lắk. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Buôn O, xã Cư H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Dân tộc: Ê Đê; Nghề nghiệp: Không nghề nghiệp ổn định; Trình độ văn hóa: 04/12; Con ông: Y L Niê, sinh năm 1974, hiện trú tại huyện P, tỉnh Gia Lai và con bà H G Mlô, sinh năm: 1978, trú tại: Buôn O, xã Cư H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Tiền án, tiền sự: không.

Về nhân thân: Ngày 16/01/2018, đã bị Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 09 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”.

Bị cáo hiện đang được tại ngoại. *(có mặt tại phiên tòa).*

* **Người bị hại:** Y N Ayun – sinh năm 1988. Trú tại: Buôn A, xã Cư H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. *(có mặt)*

* **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1971. Trú tại: Tổ dân phố 0, thị trấn a, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. *(vắng mặt)*

2. H'W Niê – sinh năm 1979. Trú tại: Buôn A, xã Cư H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. *(có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào đêm ngày 27/08/2021 đến rạng sáng ngày 28/08/2021, sau khi uống rượu tại nhà ông Y R Krông tại buôn A, xã Cư H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, Y T đi đến nhà Y K Krông (là con trai của Y R) bên cạnh nhà ông Y R ngủ. Đến khoảng 08 giờ, ngày 28/08/2021, khi gia đình Y R đi làm, Y T đi đến khu vực để xe máy cày của nhà ông Y R thì thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Damsan, biển kiểm soát 47K6-9094 (xe của Y N Ayun) đang dựng tại đây và không có ai ở nhà nên Y T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô nêu trên. Y T đi đến vị trí dựng xe thì thấy xe đã bị hư ổ khóa điện nên dắt xe ra, ngồi lên yên đạp nổ máy xe rồi điều khiển đi đến nhà bạn ở buôn G, xã K chơi và ăn cơm uống rượu tại đây. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, Y T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47K6-9094 đi về nhà, nhưng do say rượu nên khi đi về đến ngã ba đường vào xã K bị ngã dẫn đến bị sây sát nhẹ. Do không có tiền, nên Y T đã mang xe mô tô đến tiệm cầm đồ Đ tại Tổ dân phố 0, thị trấn a, huyện K do bà Nguyễn Thị H làm chủ, cầm cố lấy số tiền 1.000.000 đồng. Số tiền này Y T sử dụng để đi khám bệnh hết 350.000 đồng, còn lại 650.000 đồng Y T tiêu xài cá nhân hết.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô nhãn hiệu DAMSAN, biển số 47K6-9094, có số khung DCG013HH014740, số máy 1P50FMG00014740, màu nâu.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 53/2021//KL-HĐ 992, ngày 01/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện K kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu DAMSAN, biển số 47K6-9094, có số khung DCG013HH014740, số máy 1P50FMG00014740, màu nâu, có giá 2.200.000 đồng.

Quá trình điều tra, truy tố bà Nguyễn Thị H có yêu cầu buộc bị cáo trả lại 1.000.000 đồng từ việc bị cáo cầm cố chiếc xe mô tô trộm cắp.

Tại bản cáo trạng số: 64/CT-VKS, ngày 19/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar đã truy tố bị cáo Y T Mlô, về tội “*Trộm cắp tài sản*”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố và lời khai tại Cơ quan điều tra Công an huyện Ea Kar.

Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Y T Mlô phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Y T Mlô từ 09 đến 12 tháng tù.

* Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết. Buộc bị cáo trả lại cho bà Nguyễn Thị H 1.000.000 đồng.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ Luật Hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Kar trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu DAMSAN, biển số 47K6-9094, có số khung DCG013HH014740, số máy 1P50FMG00014740, màu nâu cho ông Y N Ayun là chủ sở hữu hợp pháp.

Bị cáo không tranh luận với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bị hại đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không yêu cầu về phân trách nhiệm dân sự.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ hoặc trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng pháp luật.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng:

Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có lưu trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 08 giờ, ngày 28/08/2021, lợi dụng lúc gia đình Y R đi làm không có ai ở nhà, bị cáo đã lén lút trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Damsan, biển kiểm soát 47K6-9094 của Y N Ayun, sau đó đến tiệm cầm đồ Đ cầm cố chiếc xe với giá 1.000.000 đồng. Do vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm:

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, nhận thức

để biết được rằng lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của Y N Ayun là xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản, mọi hành vi vi phạm sẽ bị pháp luật trừng trị một cách nghiêm khắc. Song xuất phát từ ý thức coi thường pháp luật, bản chất chây lười lao động, muốn có tiền tiêu xài cá nhân lại không muốn bỏ sức lao động, nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội.

Xét thấy, ngày 16/01/2018, bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xử phạt 09 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”, cho đến thời điểm hiện tại mặc dù đã được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học rút kinh nghiệm cho bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, nhằm cải tạo, răn đe, giáo dục để bị cáo trở thành công dân sống có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Tuy nhiên, quá trình điều tra, tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tài sản trộm cắp đã được trả lại cho người bị hại, nên hậu quả xảy ra không lớn; bị cáo là người dân tộc thiểu số nên trình độ văn hóa có phần hạn chế; tại phiên tòa được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, để xem xét trong quá trình lượng hình giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Các biện pháp tư pháp:

* Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

- Đối với bà Nguyễn Thị H đã cầm cố chiếc xe do bị cáo trộm cắp với giá 1.000.000 đồng. Xét thời điểm cầm cố, bị cáo tự nhận là tài sản của mình, nên bà H không biết là tài sản có được do trộm cắp. Do vậy, cần buộc bị cáo trả lại cho bà Nguyễn Thị H 1.000.000 đồng.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ Luật Hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Kar trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu DAMSAN, biển số 47K6-9094, có số khung DCG013HH014740, số máy 1P50FMG00014740, màu nâu cho ông Y N Ayun là chủ sở hữu hợp pháp.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Y T Mlô phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Y T Mlô 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

* Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

- Buộc bị cáo Y T Mlô có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị H 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ Luật Hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Kar trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu DAMSAN, biển số 47K6-9094, có số khung DCG013HH014740, số máy 1P50FMG00014740, màu nâu cho ông Y N Ayun là chủ sở hữu hợp pháp.

* Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016, ngày 30/12/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo Y T Mlô phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra 01 – TANDTC;
TÒA

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;
- Công an huyện EaKar;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THADS huyện EaKar;
- Bị cáo; Bị hại; người liên quan;
- UBND thị trấn K;
- Lưu VT; hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**

Hoàng Trí Lý